

Số: /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi 2018;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm ./.

CHỦ TỊCH***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Hải Dương;
- Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Hải Dương; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Hải Dương; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Lưu VTVP.

QUY ĐỊNH

Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương
(Kèm theo Nghị quyết số: /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi, trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường (sau đây gọi tắt là khu vực không được phép chăn nuôi) và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương bao gồm:

a) Thành phố Hải Dương: Gồm các phường: Quang Trung, Phạm Ngũ Lão, Lê Thanh Nghị, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Phú và các khu đô thị, khu quy hoạch dân cư mới của các xã, phường.

b) Thành phố Chí Linh: Gồm các phường: Gồm các phường: Sao Đỏ, Thái Học, An Lạc, Chí Minh, Cổ Thành, Hoàng Tiến, Hoàng Tân, Tân Dân, Văn An, Văn Đức, Đồng Lạc.

c) Thị xã Kinh Môn: Gồm các phường: Hiến Thành, Thái Thịnh, Hiệp An, An Lưu, An Sinh, Hiệp Sơn, Phạm Thái, Thát Hùng, Minh Tân, Phú Thứ, Tân Dân, Duy Tân, An Phụ.

d) Huyện Bình Giang: Gồm các khu dân cư: Khu I, Khu II, Khu III, Khu IV, Khu V thuộc thị trấn Kẻ Sặt.

đ) Huyện Cẩm Giàng: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, số 2 La A, số 5 La B thuộc thị trấn Cẩm Giàng; Khu Thống Nhất, Việt Mỹ, Hoàng Thanh, Đổ Đó (thuộc thôn Tiên) thuộc thị trấn Lai Cách.

e) Huyện Gia Lộc: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu Ngà, Khu Chằm thuộc thị trấn Gia Lộc.

g) Huyện Kim Thành: Gồm các khu dân cư: Khu An Thái, Khu Đồng Văn, Khu Phố Ga, Khu Tân Phú thuộc thị trấn Phú Thái.

h) Huyện Nam Sách: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu 9 thuộc thị trấn Nam Sách.

i) Huyện Ninh Giang: Gồm các khu dân cư: Khu 2, Khu 3, Khu 4 và Khu phố 1 (đoạn đường Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu, Mạc Thị Bưởi, Nguyễn Thái Học) thuộc thị trấn Ninh Giang.

k) Huyện Thanh Hà: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu 9 thuộc thị trấn Thanh Hà.

l) Huyện Thanh Miện: Gồm các khu dân cư: An Lạc, Vô Hối, Bất Nạo, Lê Bình, Phượng Hoàng Thượng, Phượng Hoàng Hạ, Phù Nội, Triệu Thái thuộc Thị trấn Thanh Miện; Khu dân cư số 1 thuộc xã Đoàn Tùng.

m) Huyện Tứ Kỳ: Khu vực đất của các hộ tiếp giáp tuyến đường tỉnh 391 thuộc các khu An Nhân Đông, An Nhân Tây, La Tĩnh Bắc, La Tĩnh Nam; Khu vực đất của các hộ tiếp giáp đường Tây Nguyên thuộc các khu La Tĩnh Bắc, La Tĩnh Nam; Khu dân cư Cầu Yên thuộc khu La Tĩnh Nam; Khu dân cư mới thuộc khu An Nhân Đông thuộc thị trấn Tứ Kỳ.

n) Các khu vực quy hoạch phát triển đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đang hoạt động, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều này không được phép mở rộng quy mô chăn nuôi và phải thực hiện di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, các cơ sở chăn nuôi vẫn tiếp tục hoạt động hoặc không di dời sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các xã, thị trấn được thành lập thành phường (trong vòng 05 năm trở lại ngày Nghị quyết có hiệu lực) được phép kéo dài thời gian chăn nuôi nhưng không quá ngày 01 tháng 01 năm 2030.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quy định này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Cơ sở chăn nuôi đang hoạt động; thực hiện quy định kê khai hoạt động chăn nuôi theo Điều 54 Luật Chăn nuôi;

b) Hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm chăn nuôi mới phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này chỉ được hỗ trợ một lần khi thực hiện việc di dời cho nội dung hỗ trợ và phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

c) Trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

3. Nội dung, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm chăn nuôi mới phù hợp quy định pháp luật về chăn nuôi:

- Mức hỗ trợ 500.000 đồng/m² diện tích chuồng nuôi đối với chuồng nuôi khi đáp ứng có ít nhất 2/3 (hai phần ba) chỉ tiêu: tường xây gạch; nền xi măng; mái lợp ngói, tôn, Fibro xi măng, nhưng tối đa không quá 500.000.000 đồng/cơ sở chăn nuôi.

- Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện kê khai và có kế hoạch, phương án dừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành di dời đến cơ sở mới.

b) Hỗ trợ chủ cơ sở, người lao động (trong độ tuổi lao động) làm việc trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi, nếu có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp thì được hỗ trợ chi phí đào tạo khi tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 (ba) tháng.

- Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi (quy mô chăn nuôi được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi) như sau:

- + Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở;
- + Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: tối đa 02 lao động/cơ sở;
- + Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: tối đa 03 lao động/cơ sở;
- + Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: tối đa 10 lao động/cơ sở.

- Mức hỗ trợ: tối đa 02 triệu đồng/lao động/khóa học (quy định tại khoản 5 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng).

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi người lao động hoàn thành khóa học.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô lớn.

2. Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô vừa, trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Khi các văn bản quy định được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.